

Số: 02/2023/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 22 tháng 3 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung hồ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục, lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHOÁ XVIII - KỲ HỌP THỨ 11 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp

từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị HĐND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục, lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Báo cáo thẩm tra số 10/BC-BPC ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục, lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang

1. Sửa đổi, bổ sung Điểm b, Khoản 3, Điều 2 như sau:

“b) Thẩm định và phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

Bước 1: Đơn vị chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 của điều này đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*cơ quan chủ trì tham mưu*) thông qua Trung tâm phục vụ hành chính công trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang.

Bước 2: Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì tham mưu căn cứ vào tính chất, quy mô của dự án trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc cho Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng thẩm định là lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc lãnh đạo sở, ban, ngành theo ủy quyền, các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết, lãnh đạo các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh, Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh; các sở, ngành có liên quan và mời chuyên gia độc lập tham gia (nếu cần thiết).

Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Hội đồng tổ chức thẩm định, nếu hồ sơ đủ điều kiện, cơ quan chủ trì tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân

tinh phê duyệt hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, cơ quan chủ trì tham mưu phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do”.

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 3, Điểm b, Khoản 3, Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 3 như sau:

“2. Mẫu hồ sơ: Thực hiện theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này và Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-LĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.”

b) Sửa đổi, bổ sung Điểm b, Khoản 3, Điều 3 như sau:

“b) Thẩm định và phê duyệt dự án, phương án

Bước 1: Cộng đồng dân cư (*Tổ trưởng, Nhóm trưởng*) gửi 01 bộ hồ sơ theo Phụ lục II đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai thực hiện dự án, phương án.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp hồ sơ gửi đến Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế (*cơ quan chủ trì tham mưu*) thông qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bước 3: Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ và Bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất của cộng đồng; lãnh đạo phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (*nếu có*).

Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Tổ thẩm định tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện cơ quan chủ trì tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án, phương án; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, cơ quan chủ trì tham mưu phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do”.

3. Bổ sung Điều 2a như sau:

“Điều 2a. Nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

1. Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và khoản 3, Điều 12 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng

trồng được liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

2. Mẫu hồ sơ lựa chọn dự án

a) Mẫu thành phần hồ sơ đề xuất lựa chọn dự án được liệu quý: Thực hiện theo các mẫu tại mục I Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

b) Mẫu sử dụng trong quy trình lựa chọn dự án được liệu quý: Thực hiện theo các mẫu tại mục II Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án

a) Xây dựng dự án

Đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý theo mẫu hồ sơ quy định tại điểm a, khoản 2 điều này. Số lượng hồ sơ gồm: 01 bộ hồ sơ gốc, 11 bộ phô tô có dấu đỏ của đơn vị chủ trì dự án và 01 bản điện tử ghi hồ sơ trên ổ USB (dạng PDF không cài mật khẩu).

b) Thẩm định và phê duyệt dự án

Bước 1: Đơn vị chủ trì liên kết gửi bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a, khoản 2 của điều này đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án liên kết thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Thời gian mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ trong thời gian không quá 10 ngày làm việc.

Bước 2: Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án liên kết trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét thẩm định. Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc cho Hội đồng (*giao cho Sở Y tế - cơ quan chủ trì tham mưu*). Chủ tịch Hội đồng thẩm định là lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc lãnh đạo sở, ban, ngành theo ủy quyền; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án liên kết, lãnh đạo các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Y tế, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Ban Dân tộc tỉnh, Ngân hàng Chính sách - xã hội tỉnh, các sở, ngành có liên quan và mời chuyên gia độc lập tham gia (nếu cần thiết).

Bước 3: Căn cứ ý kiến thẩm định, trong thời hạn 15 ngày, nếu hồ sơ đủ điều kiện, cơ quan chủ trì tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt dự án; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, cơ quan chủ trì tham mưu phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do”.

Điều 2. Bãi bỏ một số biểu mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND

1. Bãi bỏ Biểu mẫu số 03 Phụ lục II.
2. Bãi bỏ Biểu mẫu số 04 Phụ lục II.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Đối với các dự án, kế hoạch, phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc dự án, kế hoạch, phương án.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVIII, Kỳ họp thứ 11 (*Chuyên đề*) thông qua ngày 22 tháng 3 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu, UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động
- TBXH, Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban Dân tộc, Y tế;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy; HĐND, UBND tỉnh; UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XV tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVIII;
- Các Sở, Ban, ngành, tổ chức CT- XH cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Hà Giang;
- Công TTĐT tỉnh; TTTT- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Thào Hồng Sơn